



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2013

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Nhà máy động cơ điện Việt Nam - Hungari được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari theo Quyết định số 3216/QĐ-BCN ngày 13/11/2006 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari thành Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 ngày 22/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0100101925 thay đổi lần thứ 03 ngày 28/12/2012 thì Vốn điều lệ của Công ty là **43.500.000.000 đồng** (Bốn mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất, sửa chữa, bán buôn, bán lẻ các loại máy móc thiết bị kỹ thuật điện, cơ khí dùng trong công nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo động cơ điện, máy phát điện các loại;
- Buôn bán vật tư, thiết bị, phụ tùng thiết bị kỹ thuật điện, cơ kim khí và tư vấn chuyên giao công nghệ chế tạo máy điện.
- Thi công, lắp đặt các công trình thiết bị điện đến 35KV;

Địa chỉ: Tổ 53, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 3882 3256 Fax: (84-4) 3882 3291

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch
Ông Kiều Quốc Nhật	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2012)
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2012)
Ông Nguyễn Huy Du	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2012)
Ông Lê Khắc Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2012)
Ông Ngô Thế Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Việt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2012)
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Đình Minh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2013)
Ông Bùi Quốc Bảo	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2013)
Ông Lê Khắc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Vinh Hoàn	Phó Tổng giám đốc



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 



Bùi Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Số: 63 -13/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

Công ty chưa ghi nhận khoản lãi bán hàng trả chậm vào doanh thu chưa thực hiện mà ghi nhận vào doanh thu trong kỳ, đồng thời ghi nhận một khoản chi phí trích trước tương ứng số lãi trả chậm này. Theo đó bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến các khoản mục trên đều ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười lăm (15) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari giữ mười bốn (14) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Vũ Hồng Thư

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1963/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		190.065.824.052	247.628.006.821
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.348.613.233	10.685.562.170
1 Tiền	111	V.1.	6.348.613.233	10.685.562.170
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.500.122.600	196.330.469.941
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	164.612.199.958	194.273.574.203
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	3.089.750.915	2.004.382.313
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	1.475.553.608	1.494.001.304
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.677.381.881)	(1.441.487.879)
IV Hàng tồn kho	140		23.825.533.519	38.430.954.561
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	23.825.533.519	38.430.954.561
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		391.554.700	2.181.020.149
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10.	-	1.867.768.950
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	391.554.700	313.251.199
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		14.335.240.748	13.889.755.525
II Tài sản cố định	220		11.935.240.748	11.650.830.452
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	11.801.267.817	11.353.725.034
- Nguyên giá	222		58.020.876.383	54.676.498.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.219.608.566)	(43.322.773.880)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	133.972.931	297.105.418
- Nguyên giá	228		1.687.186.140	1.687.186.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.553.213.209)	(1.390.080.722)
III Bất động sản đầu tư	240	V.6.	-	98.925.073
- Nguyên giá	241		2.374.201.599	2.374.201.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.374.201.599)	(2.275.276.526)
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7.	2.140.000.000	2.140.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		2.040.000.000	2.040.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		100.000.000	100.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260	V.8.	260.000.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		260.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		204.401.064.800	261.517.762.346

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		141.236.144.571	200.465.315.121
I Nợ ngắn hạn	310		140.305.144.571	200.465.315.121
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	105.406.998.707	160.741.090.054
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4.	11.771.248.117	16.241.453.483
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5.	968.920.324	3.993.608.002
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	6.497.840.401	2.006.736.880
5 Phải trả người lao động	315		3.516.888.702	3.019.950.029
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	8.703.630.994	8.571.570.129
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	3.398.824.662	5.794.943.880
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		40.792.664	95.962.664
II Nợ dài hạn	330		931.000.000	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	931.000.000	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		63.164.920.229	61.052.447.225
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	60.937.081.111	60.325.783.415
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.500.000.000	43.500.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		1.413.000.000	1.413.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.022.783.415	5.630.272.021
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.001.297.696	9.782.511.394
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.227.839.118	726.663.810
2 Nguồn kinh phí	432	V.15	-	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		2.227.839.118	726.663.810
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		204.401.064.800	261.517.762.346

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2012	01/01/2012
4. Nợ khó đòi đã xử lý	116.653.242	-
5. Ngoại tệ các loại USD	5.195,89	2.034.118,69

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	305.257.357.455	474.963.541.050
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17.	383.434.883	444.252.353
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.18.	304.873.922.572	474.519.288.697
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.19.	245.815.983.317	425.375.589.148
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		59.057.939.255	49.143.699.549
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	615.330.090	678.379.810
7 Chi phí tài chính	22	VI.21.	16.763.448.114	20.822.349.726
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.495.314.714	20.649.030.769
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6.	5.727.691.882	5.251.064.124
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7.	24.523.662.328	11.864.913.451
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		12.658.467.021	11.883.752.058
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.8.	647.175.614	1.086.838.625
12 Chi phí khác	32	VIII.2.9.	25.432.292	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		621.743.322	1.086.838.625
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.280.210.343	12.970.590.683
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.22.	3.278.912.647	3.188.079.289
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.001.297.696	9.782.511.394
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.23.		

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		357.903.512.954	383.298.553.102
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(233.096.440.949)	(428.581.689.786)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.986.872.246)	(24.035.983.821)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(16.657.100.718)	(14.429.760.204)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.995.316.286)	(2.117.870.339)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.993.789.970	4.416.449.537
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.378.652.263)	(41.977.607.513)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		61.782.920.462	(123.427.909.024)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.640.663.636)	(205.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		34.264.244	122.558.403
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		615.330.090	577.400.907
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.991.069.302)	494.959.310
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		261.904.419.034	431.165.333.694
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(316.307.510.381)	(303.599.157.938)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.725.708.750)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(63.128.800.097)	127.566.175.756
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.336.948.937)	4.633.226.042
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.685.562.170	6.225.655.085
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(173.318.957)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1.	6.348.613.233	10.685.562.170

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Nhà máy động cơ điện Việt Nam - Hungari được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari theo Quyết định số 3216/QĐ-BCN ngày 13/11/2006 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari thành Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 ngày 22/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0100101925 thay đổi lần thứ 03 ngày 28/12/2012 thì Vốn điều lệ của Công ty là **43.500.000.000 đồng** (Bốn mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, sửa chữa, bán buôn, bán lẻ các loại máy móc thiết bị kỹ thuật điện, cơ khí dùng trong công nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo động cơ điện, máy phát điện các loại;
- Buôn bán vật tư, thiết bị, phụ tùng thiết bị kỹ thuật điện, cơ kim khí và tư vấn chuyên giao công nghệ chế tạo máy điện.
- Thi công, lắp đặt các công trình thiết bị điện đến 35KV;

Địa chỉ: Tổ 53, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 3882 3256 Fax: (84-4) 3882 3291

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2003/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06-10
Máy móc, thiết bị	04-08
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là lợi thế thương mại; phần mềm thiết kế; hệ thống chất lượng ISO.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Phần mềm thiết kế	06-07
Hệ thống chất lượng ISO	03

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**4.1 Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình Trạm bảo hành, giới thiệu sản phẩm và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

4.2 Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 24 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay trả sau và chi phí khuyến mãi bán hàng. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán động cơ, vật tư, sửa chữa, gia công và cho thuê nhà; doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, thu cổ tức.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cho thuê trạm dịch vụ tại 255 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được xác định căn cứ vào hợp đồng thuê trạm, biên bản bàn giao mặt bằng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Tiền mặt</i>	139.652.622	69.269.602
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	6.208.960.611	10.616.292.568
VND	6.197.568.734	10.604.630.763
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội</i>	34.726.360	33.989.875
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh</i>	5.664.991.261	2.583.237.031
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	497.851.113	7.987.403.857
USD quy đổi	11.391.877	11.661.805
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh</i>	5.044.963	5.039.959
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương</i>	6.346.914	6.621.846
Cộng	6.348.613.233	10.685.562.170
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khác	1.353.553.608	1.333.643.608
<i>Phải thu lương nhà trẻ</i>	2.259.627	2.259.627
<i>Phải thu tiền cho mượn mẫu đúc động cơ</i>	187.560.727	2.650.727
<i>Phải thu tiền vay chưa nộp về Công ty</i>	1.163.733.254	1.328.733.254
Dư nợ Phải trả khác	122.000.000	160.357.696
<i>Tiền thưởng Ban điều hành</i>	122.000.000	113.500.000
<i>Phải thu tiền thai sản, ốm đau</i>	-	46.857.696
Tổng cộng	1.475.553.608	1.494.001.304

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

3. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.207.898.243	19.657.218.217
Công cụ, dụng cụ	166.541.727	187.112.581
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.099.747.755	2.201.718.552
Thành phẩm	13.351.345.794	16.384.905.211
Cộng giá gốc hàng tồn kho	23.825.533.519	38.430.954.561

5. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lợi thế doanh nghiệp	Phần mềm thiết kế	Hệ thống chất lượng ISO	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2012	251.378.464	1.248.664.818	187.142.858	1.687.186.140
Mua trong năm	-	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	251.378.464	1.248.664.818	187.142.858	1.687.186.140
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2012	197.511.645	1.005.426.219	187.142.858	1.390.080.722
Khấu hao trong năm	35.911.208	127.221.279	-	163.132.487
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	233.422.853	1.132.647.498	187.142.858	1.553.213.209
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2012	53.866.819	243.238.599	-	297.105.418
Tại ngày 31/12/2012	17.955.611	116.017.320	-	133.972.931

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc			Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Tài sản cố định khác		Đơn vị tính: VND
		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	Cộng				
Nguyên giá											
Số dư ngày 01/01/2012		18.252.462.921	28.140.369.915	7.358.857.653	924.808.425	54.676.498.914					
Mua trong năm		-	3.616.800.000	-	23.863.636	3.640.663.636					
Đầu tư XD/CB hoàn thành		-	-	-	-	-					
Tặng khác		-	-	-	-	-					
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-					
Thanh lý, nhượng bán		-	(296.286.167)	-	-	(296.286.167)					
Giảm khác		-	-	-	-	-					
Số dư ngày 31/12/2012		18.252.462.921	31.460.883.748	7.358.857.653	948.672.061	58.020.876.383					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư ngày 01/01/2012		15.083.698.346	23.218.848.916	4.170.347.080	849.879.538	43.322.773.880					
Khấu hao trong năm		808.806.892	1.535.238.407	775.610.140	48.033.123	3.167.688.562					
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-					
Thanh lý, nhượng bán		-	(270.853.876)	-	-	(270.853.876)					
Giảm khác		-	-	-	-	-					
Số dư ngày 31/12/2012		15.892.505.238	24.483.233.447	4.945.957.220	897.912.661	46.219.608.566					
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2012		3.168.764.575	4.921.520.999	3.188.510.573	74.928.887	11.353.725.034					
Tại ngày 31/12/2012		2.359.957.683	6.977.650.301	2.412.900.433	50.759.400	11.801.267.817					

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.877.825.553 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư				Đơn vị tính: VND	
Khoản mục	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2012	
Nguyên giá					
Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599	
Giá trị hao mòn lũy kế					
Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.275.276.526	98.925.073	-	2.374.201.599	
Giá trị còn lại					
Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	98.925.073			-	
7. Đầu tư tài chính dài hạn					
	31/12/2012		01/01/2012		
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)	
<i>a - Đầu tư vào công ty con</i>	204.000	2.040.000.000	204.000	2.040.000.000	
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	102.000	1.020.000.000	102.000	1.020.000.000	
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	102.000	1.020.000.000	102.000	1.020.000.000	
<i>b - Đầu tư dài hạn khác</i>		100.000.000		100.000.000	
Trường Cao đẳng Tư thực Công nghệ Hà Nội		100.000.000		100.000.000	
		<u>2.140.000.000</u>		<u>2.140.000.000</u>	
8. Chi phí trả trước dài hạn					
			31/12/2012	01/01/2012	
			VND	VND	
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			260.000.000	-	
Tổng cộng			<u>260.000.000</u>	<u>-</u>	
9. Vay và nợ ngắn hạn					
			31/12/2012	01/01/2012	
			VND	VND	
<i>Vay ngắn hạn</i>					
VND			105.406.998.707	118.546.647.097	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (*)			33.921.391.386	75.702.708.652	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (**)			38.969.613.950	26.105.880.380	
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (***)			10.000.000.000	4.000.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Vay vốn cá nhân (****)	22.515.993.371	12.738.058.065
Hà Đình Minh	1.297.340.575	740.810.840
Nguyễn Huy Du	111.683.365	27.313.246
Ngô Thế Giang	126.952.633	23.235.029
Bùi Quốc Bảo	182.118.716	19.067.859
Lê Khắc Tuấn	106.875.339	18.858.051
Lê Thị Dung	9.702.760	840.000.000
Hà Thị Huệ	13.743.572	90.000.000
Lê Vinh Hoàn	727.610.135	1.390.000.000
Đỗ Thanh Bình	-	450.000.000
Đào Công Hoan	163.818.632	143.631.000
Bà Phương	730.000.000	830.000.000
Chu Văn Mạnh	1.000.000.000	1.000.000.000
Trần Minh Nghĩa	2.150.000.000	1.950.000.000
Trần Mạnh Quỳnh	-	500.000.000
Đối tượng khác	15.896.147.644	4.715.142.040
USD	-	42.194.442.957
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	-	6.069.849.471
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (**)	-	36.124.593.486
Tổng cộng	105.406.998.707	160.741.090.054

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng tín dụng số 19/HĐTD-NH-NHCT-DA ngày 20/06/2012, không có tài sản đảm bảo; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(**) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/12/HM/VND/NHNT.CD ngày 18/04/2012; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(***) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn số 147/HĐVV-VIHEM ngày 15/03/2007 và Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/TBDVN-VIHEM ngày 05/4/2012 không có tài sản đảm bảo; lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(****) Vay cá nhân bao gồm các hợp đồng vay có thời hạn dưới 01 năm, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích để bổ sung vốn lưu động.

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
Thuế GTGT đầu ra	429.083.283	9.395.347.671	9.385.413.631	439.017.323
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.171.581.554	1.171.581.554	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	9.179.587	9.179.587	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.543.954.774	3.278.912.647	3.995.316.286	827.551.135
Thuế thu nhập cá nhân	33.698.823	627.972.770	641.335.050	20.336.543
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(1.867.768.950)	8.243.192.110	1.164.487.760	5.210.935.400
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.867.768.950			-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.006.736.880			6.497.840.401

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

11. Chi phí phải trả	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước khuyến mãi bán hàng	609.699.886	-
Trích trước chi phí lãi vay	8.093.931.108	8.571.570.129
Tổng cộng	8.703.630.994	8.571.570.129
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	146.046.800	400.872.897
Kinh phí đảng	60.955.600	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.821.822.262	4.938.070.983
<i>Phải trả cổ tức năm 2008</i>	<i>360.000</i>	<i>600.000</i>
<i>Phải trả cổ tức năm 2009</i>	<i>875.000</i>	<i>27.000.000</i>
<i>Phải trả cổ tức năm 2010</i>	<i>11.930.000</i>	<i>48.255.000</i>
<i>Phải trả cổ tức năm 2011</i>	<i>36.200.000</i>	-
<i>Phải trả Nhà nước kinh phí thực hiện Dự án (*)</i>	<i>2.752.203.100</i>	<i>4.852.203.100</i>
<i>Phải trả về thuế hàng nhập khẩu</i>	<i>10.116.279</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>10.137.883</i>	<i>10.012.883</i>
Dư có Phải thu khác	370.000.000	456.000.000
<i>Công ty TNHH Cơ khí Tây Mỗ - Tiền bảo lãnh hợp đồng</i>	<i>250.000.000</i>	<i>250.000.000</i>
<i>Công ty CP TM và Công nghệ Á Châu - tiền bảo lãnh dự thầu</i>	-	<i>50.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thái Sơn - Tiền bảo lãnh dự thầu</i>	-	<i>50.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Triệu Phát - Tiền bảo lãnh dự thầu</i>	-	<i>50.000.000</i>
<i>Công ty CP Thiết bị Tân Thành Đạt - Tiền bảo lãnh dự thầu</i>	-	<i>50.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Thủy Quân</i>	-	<i>3.000.000</i>
<i>Nguyễn Đăng Khoa</i>	-	<i>3.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần thiết bị Tân Thành Đạt</i>	<i>60.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Thái Sơn</i>	<i>60.000.000</i>	-
Tổng cộng	3.398.824.662	5.794.943.880
13. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	931.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (*)	931.000.000	-
Tổng cộng	931.000.000	-

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/12/TH/VND/VCB.CD-VHC ngày 16/05/2012, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/12/TCĐS/VCB.CD-VHC ngày 16/05/2012; lãi suất vay biến đổi theo từng thời kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

14. **Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	43.500.000.000	1.413.000.000	9.329.493.022	54.242.493.022
Tăng vốn trong năm trước	-	-	9.782.511.394	9.782.511.394
Lãi trong năm trước	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(9.329.493.022)	(9.329.493.022)
Số dư tại ngày 31/12/2011	43.500.000.000	1.413.000.000	9.782.511.394	54.695.511.394
Tăng vốn trong năm nay	-	-	10.001.297.696	10.001.297.696
Lãi trong năm nay	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(9.782.511.394)	(9.782.511.394)
Số dư tại ngày 31/12/2012	43.500.000.000	1.413.000.000	10.001.297.696	54.914.297.696
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
Vốn góp của Nhà nước			14.907.000.000	14.907.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác			28.593.000.000	28.593.000.000
Cộng			43.500.000.000	43.500.000.000

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
Vốn góp đầu năm	43.500.000.000	43.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	43.500.000.000	43.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.700.000.000	6.960.000.000

d) **Cổ phiếu**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.350.000	4.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.350.000	4.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.350.000	4.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.350.000	4.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.350.000	4.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

	01/01/2012	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	5.630.272.021	392.511.394	-	6.022.783.415
Tổng cộng	5.630.272.021	392.511.394	-	6.022.783.415

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập theo Nghị quyết đại hội cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ của Công ty.

15. Nguồn kinh phí

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.365.003.000	935.000.000
Chi sự nghiệp	2.365.003.000	935.000.000
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	283.436.402.122	459.986.249.310
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.820.955.333	14.977.291.740
Tổng cộng	305.257.357.455	474.963.541.050

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hàng bán bị trả lại (thành phẩm)	383.434.883	444.252.353
Tổng cộng	383.434.883	444.252.353

18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	283.052.967.239	459.541.996.957
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	21.820.955.333	14.977.291.740
Tổng cộng	304.873.922.572	474.519.288.697

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

19. Giá vốn hàng bán	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của thành phẩm, vật tư đã bán	231.026.560.595	412.725.358.911
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.789.422.722	12.650.230.237
Tổng cộng	245.815.983.317	425.375.589.148
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.077.248	182.000.907
Cổ tức, lợi nhuận được chia	490.000.000	395.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.252.842	100.978.903
Tổng cộng	615.330.090	678.379.810
21. Chi phí tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	16.495.314.714	20.649.030.769
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	268.133.400	173.318.957
Tổng cộng	16.763.448.114	20.822.349.726
22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	306.136.428.276	476.284.507.132
<i>Thu nhập không chịu thuế TNDN - Cổ tức nhận được</i>	<i>490.000.000</i>	<i>395.400.000</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>-</i>	<i>100.978.903</i>
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	292.530.777.688	463.313.916.449
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	13.115.650.588	12.474.211.780
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.278.912.647	3.118.552.945
Thuế TNDN phải nộp do tính lại của năm trước	-	31.444.402
Số thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	3.278.912.647	3.149.997.347
23. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.847.412.251	106.505.835.925
Chi phí nhân công	25.665.382.746	26.839.297.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.429.746.122	3.418.112.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.699.653.375	5.960.351.213
Chi phí khác bằng tiền	7.099.184.071	7.592.403.246
Tổng cộng	143.741.378.565	150.316.000.601

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

25. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.8 và V.12, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.348.613.233	10.685.562.170
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156.410.371.685	194.326.087.628
Đầu tư dài hạn	2.140.000.000	2.140.000.000
Tổng cộng	164.898.984.918	207.151.649.798
Công cụ tài chính		
Các khoản vay	106.337.998.707	160.741.090.054
Phải trả người bán và phải trả khác	15.170.072.779	22.036.397.363
Chi phí phải trả	8.703.630.994	8.571.570.129
Tổng cộng	130.211.702.480	191.349.057.546

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2012 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	106.269.098	172.189.033

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tài chính cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<u>31/12/2012</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1 - 5 năm VND</u>	<u>Tổng cộng VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	15.170.072.779	-	15.170.072.779
Chi phí phải trả	8.703.630.994	-	8.703.630.994
Các khoản vay	105.406.998.707	931.000.000	106.337.998.707
<u>01/01/2012</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1 - 5 năm VND</u>	<u>Tổng cộng VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	22.036.397.363	-	22.036.397.363
Chi phí phải trả	8.571.570.129	-	8.571.570.129
Các khoản vay	160.741.090.054	-	160.741.090.054

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2012</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1 - 5 năm VND</u>	<u>Tổng cộng VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.348.613.233	-	6.348.613.233
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156.410.371.685	-	156.410.371.685
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.140.000.000	2.140.000.000
<u>01/01/2012</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1 - 5 năm VND</u>	<u>Tổng cộng VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.685.562.170	-	10.685.562.170
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.326.087.628	-	194.326.087.628
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.140.000.000	2.140.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu			
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 1	Công ty con	20.870.284.038	18.406.955.746
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 2	Công ty con	5.000.620.705	6.824.484.872
Mua hàng			
Mua hàng của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 1	Công ty con	368.041.982	-
Mua hàng của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 2	Công ty con	7.036.364	-
Vay trong năm tài chính 2012			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam Hà Đình Minh	Thành viên góp vốn Chủ tịch HĐQT	6.000.000.000	-
Nguyễn Huy Du	Thành viên HĐQT	550.000.000	740.810.840
Ngô Thế Giang	Thành viên HĐQT	80.000.000	27.313.246
Bùi Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	100.000.000	23.235.029
Lê Khắc Tuấn	Thành viên HĐQT	160.000.000	19.067.859
		85.000.000	18.858.051

1.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương	1.828.984.132	1.582.454.000
Tổng cộng	1.828.984.132	1.582.454.000

1.3. Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản phải thu			
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 1	Công ty con	5.837.364.518	4.817.486.499
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 2	Công ty con	1.382.144.977	1.244.642.848
Các khoản vay			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam Hà Đình Minh	Thành viên góp vốn Chủ tịch HĐQT	10.000.000.000	4.000.000.000
Nguyễn Huy Du	Thành viên HĐQT	1.297.340.575	740.810.840
Ngô Thế Giang	Thành viên HĐQT	111.683.365	27.313.246
Bùi Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	126.952.633	23.235.029
Lê Khắc Tuấn	Thành viên HĐQT	182.118.716	19.067.859
		106.875.339	18.858.051

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLD và Cơ khí	185.443.354	280.659.134
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLD và Cơ khí - Bà Phương	-	56.125.300
Công ty Thương mại Điện máy Dân Nguyệt	225.215.868	54.989.672
Công ty Cổ phần TAP Việt Nam	142.962.006	110.304.559
Công ty Cổ phần Cơ khí mở Việt Bắc VVMI	-	90.768.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Thương mại Minh Cường	-	3.567.486.295
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	110.033.206.935	64.372.954.249
Công ty Cổ phần Máy CNC Hà Nội	-	221.783.900
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	-	245.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	16.009.439.543	23.055.078.548
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	314.309.594	1.236.306.122
Công ty Cổ phần CMC	-	51.333.700
Công ty Cổ phần Cơ khí Hòn Gai - TKV	10.062.800	53.328.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Vignacera	92.226.155	85.492.175
Công ty Cổ phần Thương mại Minh Khai	156.030.833	167.283.397
Công ty Cổ phần Việt Trung	44.099.778	173.118.505
Công ty Cổ phần VLD và Thương mại Hà Nội	13.632.265	67.233.927
Công ty Thương mại T & V	111.115.910	302.302.435
Công ty TNHH MTV Hữu Dũng	96.534.451	124.876.253
Công ty TNHH MTV Thép Hoà Phát	66.889.735	140.140.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Thủy lợi HN	-	96.391.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Cơ khí Đăng Thao	213.457.092	117.806.547
Công ty TNHH Kinh doanh Thiết bị điện Ngọc Dậu	208.483.343	271.964.421
Công ty TNHH MTV Ô tô 1 - 5	135.640.095	229.866.795
Công ty TNHH Vật liệu điện Thiên Phong	15.518.503.040	53.919.188.480
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại An Hưng	230.210.765	259.238.630
Công ty TNHH Thương mại & XD Phương Linh	295.794.902	114.415.400
Công ty TNHH TM Hà Việt	2.524.973.706	33.337.346.630
Doanh nghiệp tư nhân Minh Hậu	476.051.400	476.051.400
Liên doanh Việt - Nga VIETSOVPETRO	-	586.648.645
Công ty TNHH Mười Bưởi	53.009.286	76.688.188
Đại lý Cài - Cty TNHH TM Tổng hợp Cài Lý	102.556.793	124.246.445
Đại lý Khương Trung Sơn	80.418.819	62.212.044
Đại lý Nguyễn Văn Lợi	23.173.159	54.661.997
Đại lý Ngô Thế Vinh	227.976.000	216.230.600
Đại lý Đinh Văn Khâm	84.100.765	232.431.519
Công ty CP Cơ điện Lam Sơn	69.818.127	69.818.127
Công ty CP Xi măng Hướng Dương	-	307.460.892
Công ty CP Xi măng Việt Trung	100.000.000	100.000.000
Cửa hàng Máy nổ Cảnh Hường	49.902.847	59.902.847
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Duyên Hải	58.992.100	58.992.100
Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung	2.170.731.776	2.170.731.776
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 1	5.837.364.518	4.817.486.499

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 2	1.382.144.977	1.244.642.848
Công ty TNHH I TV Phân đạm và hoá chất Hà Bắc	1.146.354.000	28.734.650
Công ty TNHH Cơ khí - Thương mại LINKON	3.250.352.160	-
Đối tượng khác	2.871.021.061	783.851.552
Tổng cộng	164.612.199.958	194.273.574.203
2.2 Trả trước cho người bán	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
CN Cty Cổ phần Sữa Vinamilk tại Hà Nội	-	16.764.000
Công ty Cổ phiếu Thiết bị và Xây dựng Phú Bình	-	175.560.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngũ Long	-	5.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Trường Giang	67.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Việt	40.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí và Thương mại Thành Công	623.480	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	-	25.000.000
Xí nghiệp Tư nhân Đúc Hải Đăng	2.982.127.435	1.782.058.313
Tổng cộng	3.089.750.915	2.004.382.313
2.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<i>Tạm ứng</i>	<i>239.328.000</i>	<i>137.264.000</i>
Lê Xuân Nguyên	38.000.000	7.000.000
Đình Khắc Dũng	73.000.000	59.786.000
Đỗ Xuân Đức	3.000.000	8.000.000
Trần Văn Tuấn	56.978.000	47.978.000
Nguyễn Hồng Hải	-	7.500.000
Đồng Văn Tùng	-	7.000.000
Đình Khắc Dũng (tạm ứng bằng chuyển khoản)	60.000.000	-
Nguyễn Xuân Bắc	8.350.000	-
<i>Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>152.226.700</i>	<i>175.987.199</i>
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	152.226.700	175.987.199
VND	57.349.479	15.459.971
USD	94.877.221	160.527.228
Tổng cộng	391.554.700	313.251.199
2.4 Phải trả người bán	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
A. Dương Văn Bắc - Phòng Kinh Doanh	233.193.959	89.196.599
CN Công ty TNHH Vận tải Đông Dương tại HN	-	85.319.794
CN Công ty Vật tư Thái Nguyên	-	484.693.000
Công ty TNHH Thương mại và Vật tư Công nghiệp	-	185.327.058

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty TNHH Tân Hồng Ngọc	-	10.625.723.458
Công ty TNHH Thương mại Thành Niên	824.232.490	763.523.490
Công ty Tạp phẩm và Bảo hộ lao động	-	60.508.800
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Thương mại Minh Cường	211.420.283	238.833.391
Công ty Cổ phần Cơ khí Đúc gang Thanh Sơn	27.228.174	292.229.600
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hồng Hà	1.305.082.349	506.958.487
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vận tải	105.378.500	105.404.000
Công ty Cơ khí Thương mại Hà Hải	-	102.147.100
Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	3.456.045.886	965.273.202
Công ty Cổ phần Dụng cụ Số 1	63.307.640	99.368.280
Công ty TNHH Cơ khí Tây Mỗ	136.400.000	500.000.000
Công ty cổ phần Gia Hưng	376.750.000	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Thương mại Hà Nội	2.219.787.240	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thiên Trường	214.601.640	148.720.000
Công ty TNHH Tổng hợp Minh Hiền	26.329.600	57.929.850
Công ty TNHH D & D	1.236.419.696	-
Công ty TNHH Ánh Sao	9.386.080	94.978.510
DNTN Cơ khí Văn Dy	65.000.000	103.950.000
Trần Văn Tuấn	644.573.895	317.759.368
Đối tượng khác	616.110.685	413.609.496

Tổng cộng

11.771.248.117

16.241.453.483

2.5. Người mua trả tiền trước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ Phần VIMECO	77.000.000	77.000.000
Công ty TNHH MTV Khai thác CT TL Bắc Nam Hà	-	3.585.275.200
Công ty TNHH Kim Quý	-	8.986.370
Công ty TNHH TM Đại Đức	-	55.475.200
Công ty TNHH Khánh Dư	-	7.998.100
Đại lý Nguyễn Thái Phong	-	23.196.918
Đại lý Phùng Văn Trại- CT TNHH Minh Trí	-	23.977.996
Công ty TNHH ABB	470.148.000	-
Công ty Cổ phần DTC Việt Nam	91.080.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Nghệ An	73.150.000	-
Tổng Minh Toàn	45.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Suối Tân	41.800.000	-
Đối tượng khác	170.742.324	211.698.218

Tổng cộng

968.920.324

3.993.608.002

2.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.051.196.316	1.078.209.766
Chi phí vật liệu, bao bì	318.825.179	468.406.181
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	201.229.859	274.122.688

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
 (tiếp theo)

Chi phí khấu hao TSCĐ	65.060.080	65.060.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.766.525.415	1.349.350.053
Chi phí bằng tiền khác	1.324.855.033	2.015.915.356
Tổng cộng	5.727.691.882	5.251.064.124
2.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.830.000.000	5.742.505.217
Chi phí vật liệu quản lý	177.084.462	229.303.563
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.677.000	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	842.994.759	891.243.427
Thuế, phí và lệ phí	8.247.662.870	1.904.403.300
Chi phí dự phòng	8.235.894.002	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.273.801	448.911.342
Chi phí bằng tiền khác	2.102.075.434	2.648.546.602
Tổng cộng	24.523.662.328	11.864.913.451
2.8. Thu nhập khác	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	34.264.244	122.558.403
Thu tiền phạt chậm thanh toán	592.030.132	789.113.924
Thu tiền phạt dư nợ phải thu vượt định mức	-	164.084.171
Thu nhập khác	20.881.238	11.082.127
Tổng cộng	647.175.614	1.086.838.625
2.9. Chi phí khác	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	25.432.292	-
Tổng cộng	25.432.292	-
2.10 Thông tin so sánh		

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

Faint header text at the top of the page, possibly containing a title or reference number.

Main body of faint text, appearing to be a list or a series of entries, possibly a table with multiple columns.

Continuation of the main body text, showing more entries or details.

Bottom section of the page, containing a circular stamp or seal on the left side and some final lines of text.